TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **21**/2025/DS-ST
Ngày: 27 - 02 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tăng Thị Bạch Vân và ông Nguyễn Văn Sơn.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thanh Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 27 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2025/TLST-DS ngày 22 tháng 01 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2025/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông D. Địa chỉ: thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của ông D: Ông D1. Địa chỉ: thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. (theo văn bản ủy quyền ngày 10/01/2025; vắng mặt, có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Bà T. Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt, có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/01/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông D (do ông D1 là người đại diện hợp pháp) trình bày:* Ngày 06/01/2023, bà T có vay của ông D số tiền là 100.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 1,6%/tháng, thời hạn vay là 01 năm. Bà T đã nhận đủ số tiền vay là 100.000.000 đồng, có sự chứng kiến của ông X và bà Y. Bà T cam kết tháng 10 sẽ trả đủ gốc và lãi nhưng đến nay bà T vẫn không đóng lãi cũng không trả gốc. Tạm tính đến ngày 06/01/2025, bà T nợ ông D số tiền vốn vay là 100.000.000 đồng cùng tiền lãi phát sinh là 100.000.000 đồng x 1,6%/tháng x 24 tháng = 38.400.000 đồng, tổng cộng là 138.400.000 đồng.

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/01/2025, ông D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T trả cho ông D số tiền vốn vay là 100.000.000 đồng cùng tiền lãi phát sinh là 38.400.000 đồng, tổng cộng là 138.400.000 đồng.

Tại phiên hòa giải ngày 11/02/2025, ông D thay đổi yêu cầu khởi kiện, theo đó chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T trả cho ông D số tiền vốn vay là 100.000.000 đồng cùng tiền lãi phát sinh là 15.000.000 đồng, tổng cộng là 115.000.000 đồng.

Về việc bà T xin trả dần số tiền nợ vay là 115.000.000 đồng cho ông D với mức 2.000.000 đồng/tháng thì ông D không đồng ý, về phương thức trả nợ thì khi nào án có hiệu lực hai bên sẽ thỏa thuận với nhau tại cơ quan thi hành án. Đồng thời, ông D1 là người đại diện hợp pháp của ông D đề nghị Tòa án cho ông D1 được phép vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm.

** Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà T trình bày:* Trước đây, con của bà T có nợ nhiều người, trong đó có nợ của ông D 50.000.000 đồng, bà T đồng ý trả số tiền này cho ông D và có vay mượn thêm của ông D 50.000.000 đồng, tổng cộng là 100.000.000 đồng; hai bên có lập Giấy cho vay tiền đề ngày 06/01/2023, bà T có ký tên vào trong giấy này. Nay bà T đồng ý trả cho ông D số tiền vốn vay là 100.000.000 đồng cùng tiền lãi phát sinh là 15.000.000 đồng, tổng cộng là 115.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà T xin trả dần số tiền nợ vay là 115.000.000 đồng cho ông D với mức 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi dứt nợ. Đồng thời, bà T đề nghị Tòa án cho bà T được phép vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông D1 là người đại diện hợp pháp của ông D vắng mặt nhưng trong văn bản đề nghị xét xử vắng mặt thì ông D1 vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện của ông D đã được thay đổi một phần tại phiên hòa giải ngày 11/02/2025; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo đơn khởi kiện, ông D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T trả cho ông D số tiền vốn vay là 100.000.000 đồng cùng tiền lãi phát sinh là 38.400.000 đồng, tổng cộng là 138.400.000 đồng; Tòa án nhân dân huyện Kế Sách thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng vay tài sản là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Kế Sách không có tiến hành thu thập chứng cứ và vụ án không thuộc các trường hợp khác theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách không tham gia phiên tòa sơ thẩm.

[3] Bà T là bị đơn, có địa chỉ cư trú tại ấp A, xã B, huyện C; Tòa án nhân dân huyện Kế Sách thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Theo đơn khởi kiện, ông D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T trả cho ông D số tiền vốn vay là 100.000.000 đồng cùng tiền lãi phát sinh là 38.400.000 đồng, tổng cộng là 138.400.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên hòa giải ngày 11/02/2025 ông D thay đổi yêu cầu khởi kiện, theo đó chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T trả cho ông D số tiền vốn vay là 100.000.000 đồng cùng tiền lãi phát sinh là 15.000.000 đồng, tổng cộng là 115.000.000 đồng. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện này của ông D là không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu và phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Tại phiên tòa sơ thẩm, ông D1 và bà T vắng mặt nhưng có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, việc vắng mặt cũng không ảnh hưởng đến việc xét xử; Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[6] Về nội dung vụ án: Quá trình giải quyết vụ án, ông D và bà T thống nhất thừa nhận ông D có cho bà T vay số tiền vốn là 100.000.000 đồng, hiện nay bà T còn nợ ông D số tiền vốn vay là 100.000.000 đồng cùng tiền lãi phát sinh là 15.000.000 đồng, tổng cộng là 115.000.000 đồng; bà T cũng đồng ý trả cho ông D toàn bộ số tiền nợ vay là 115.000.000 đồng, chỉ xin được trả dần. Sự thừa nhận này của ông D và bà T là tình tiết, sự kiện mà các bên không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Từ đó, Hội đồng xét xử xác định việc bà T có vay số tiền vốn 100.000.000 đồng của ông D là sự thật, cho đến nay bà T chưa trả số tiền vốn vay là 100.000.000 đồng cùng tiền lãi phát sinh là 15.000.000 đồng, tổng cộng là 115.000.000 đồng cho ông D là vi phạm thỏa thuận về vay tài sản đã được xác lập giữa các bên, vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, việc ông D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T trả cho ông D số tiền nợ vay là 115.000.000 đồng là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về việc bà T xin trả dần số tiền nợ vay là 115.000.000 đồng cho ông D với mức 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi dứt nợ thì không được ông D đồng ý, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét, vì việc trả số tiền nợ vay theo phương thức nào (một lần, nhiều lần hay hàng tháng, hàng quý…) là thuộc thẩm quyền của cơ quan thi hành án; sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và chuyển sang giai đoạn thi hành án, các đương sự có quyền tự thỏa thuận với nhau về phương thức trả số tiền nợ vay tại cơ quan thi hành án.

[8] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D, buộc bà T phải có nghĩa vụ trả cho ông D số tiền vay còn nợ là 115.000.000 đồng, bao gồm số tiền vốn là 100.000.000 đồng và số tiền lãi là 15.000.000 đồng.

[9] Về án phí sơ thẩm: Ông D không phải chịu án phí sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp; bà T phải chịu án phí sơ thẩm tương ứng

với số tiền là 115.000.000 đồng x 5% = 5.750.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 244, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 280, 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D về việc yêu cầu bà T trả số tiền vay còn nợ.

Buộc bà T phải có nghĩa vụ trả cho ông D số tiền vay còn nợ là 115.000.000 đồng (*Một trăm mười lăm triệu đồng*), bao gồm số tiền vốn là 100.000.000 đồng và số tiền lãi là 15.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông D đối với số tiền phải trả nêu trên cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bà T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí sơ thẩm: Ông D không phải chịu án phí sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà ông D đã nộp (do ông D2 là người nộp thay) là 3.460.000 đồng (*Ba triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009556, ngày 22 tháng 01 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Bà T phải chịu án phí sơ thẩm với số tiền là 5.750.000 đồng (*Năm triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự (02);
- VKSND huyện Kế Sách (01);
- Chi cục THADS huyện Kế Sách (01);
- TAND tỉnh Sóc Trăng (01);
- Lưu HSVA, Văn phòng (02).

Nguyễn Quốc Việt